TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 05 - 2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Huỳnh Văn Sức

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Minh Thiện – kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị R, sinh năm 1987; nơi thường trú: ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện nay: số C, tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị R trình bày:

Bà Phan Thị R với ông Trần Minh H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, giữa bà R với ông H không sống chung từ tháng 10/2023 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà R yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phan Minh Q, sinh ngày 28/4/2017 hiện bà R đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà R yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Minh H đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án, thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị R đối với ông Trần Minh H; về con chung: có 01 con chung tên Trần Phan Minh Q, sinh ngày 28/4/2017, giao con chung cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Trần Minh H nên quan hệ pháp luật vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Ông Trần Minh H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu vực huyện P, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân huyện P, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bà Phan Thị R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Minh H đã được Toà án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông H không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà R và ông H.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà Phan Thị R với ông Trần Minh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, giữa bà R với ông H không sống chung từ tháng 10/2023 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà R yêu cầu được ly hôn với ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phan Minh Q, sinh ngày 28/4/2017 do bà R đang nuôi dưỡng, bà R yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, trong quá trình tố tụng ông H không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà R không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phan Thị R được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị R, bà Phan Thị R được ly hôn với ông Trần Minh H.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phan Minh Q, sinh ngày 28/4/2017. Giao con chung cho bà R được tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị R phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0011899 ngày 03/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Diệu